

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Ngân hàng Anh thông báo duy trì chương trình kích thích kinh tế để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm sau khi Mỹ và Anh quyết định giữ nguyên lãi suất hiện tại

[Thông tin doanh nghiệp]

VCB, MCM

[Cập nhật công ty]

DBC

[Quan điểm đầu tư]

NDT có thể tiếp tục nắm giữ 1 phần vị thế bám theo xu hướng chính ở mức cân bằng và linh hoạt trading quay vòng phần còn lại, mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự để tăng hiệu quả cho danh mục tổng

05/11/2021

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,456.51 | +0.56 |
| VN30 | 1,531.76 | +0.23 |
| HĐTL VN30F1M | 1,535.10 | +0.35 |
| HNXIndex | 427.64 | +1.24 |
| HNX30 | 694.00 | +1.64 |
| UPCoM | 108.20 | +0.76 |
| USD/VND | 22,698 | +0.05 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.12 | -1 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.62 | +5 |
| Dầu (WTI, \$) | 79.82 | +1.28 |
| Vàng (LME, \$) | 1,798.83 | +0.38 |



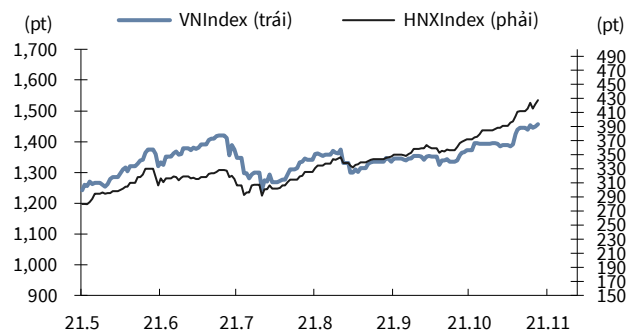
Điểm nhấn thị trường

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| VNIndex | 1,456.51 (+0.56%) |
| KLGD (triệu CP) | 874.1 (+3.4%) |
| GTGD (triệu US\$) | 1,151.7 (-6.1%) |
| | |
| HNXIndex | 427.64 (+1.24%) |
| KLGD (triệu CP) | 146.6 (+1.6%) |
| GTGD (triệu US\$) | 151.5 (-8.1%) |
| | |
| UPCoM | 108.20 (+0.76%) |
| KLGD (triệu CP) | 176.3 (+63.7%) |
| GTGD (triệu US\$) | 99.9 (+6.8%) |

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Ngân hàng Anh thông báo duy trì chương trình kích thích kinh tế để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Theo Cục Xuất nhập khẩu, giá heo hơi tiếp tục phục hồi và dự báo giá sẽ tăng nhờ nhu cầu của người dân cao vào dịp Tết âm lịch, giá cổ phiếu ngành heo tăng ở DBC (+6.9%), MML (+4.1%). Colliers Việt Nam dự báo giá nhà tại hai thành phố lớn gồm Hồ Chí Minh và Hà Nội sẽ tiếp tục tăng trong năm 2022, giúp cổ phiếu bất động sản tăng ở DXG (+3.9%), KDH (+1.6%). Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA) cho biết trong nửa đầu tháng 10, xuất khẩu gạo Việt Nam đạt 154 triệu USD tăng 57.7% YoY, giúp cổ phiếu ngành gạo tăng ở TAR (+9.7%), LTG (5%). Khối ngoại mua ròng ở HPG (+0.5%), GAS (+4.5%), CTG (+0.3%).

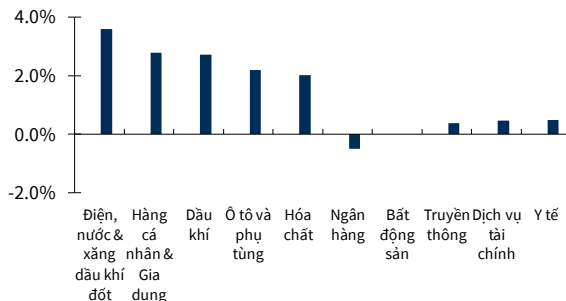
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +9.8

VNIndex & HNXIndex



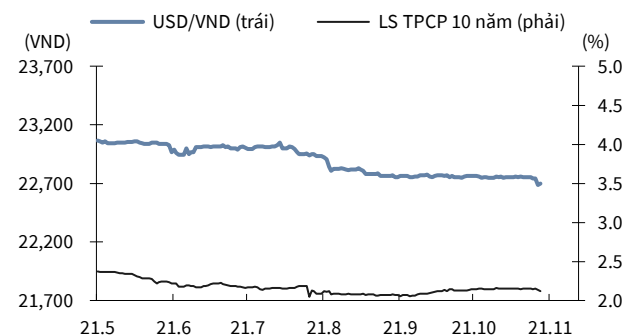
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



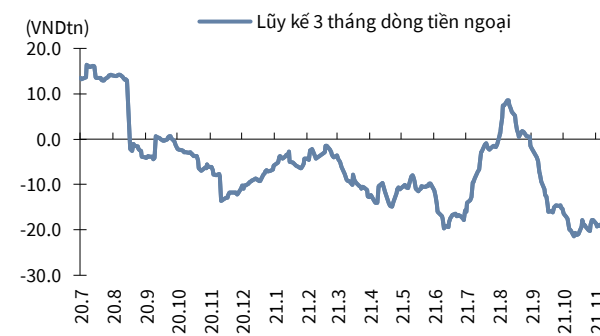
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

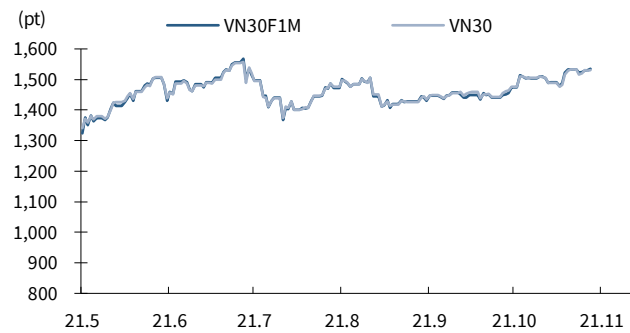
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,531.76 (+0.23%) |
| VN30F1M | 1,535.1 (+0.35%) |
| Mở cửa | 1,529.3 |
| Cao nhất | 1,539.6 |
| Thấp nhất | 1,526.5 |

Các HĐTL tăng điểm sau khi Mỹ và Anh quyết định giữ nguyên lãi suất hiện tại. F2111 tăng điểm tích cực hơn chỉ số VN30, chênh lệch 1.59 điểm trong phiên mở cửa sau đó duy trì trong khoảng 0 đến 4.43 điểm và đóng cửa ở mức 3.34 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

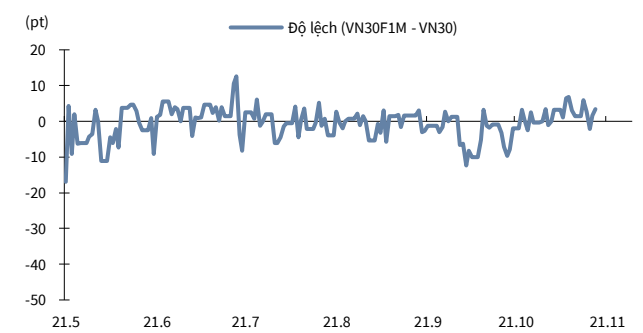
| | |
|------------------|------------------------|
| KLGD (HĐ) | 97,181 (-32.2%) |
|------------------|------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



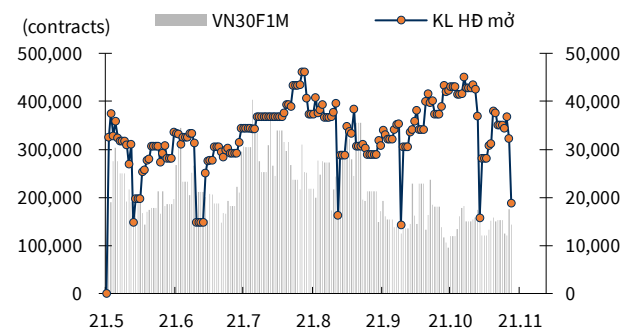
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



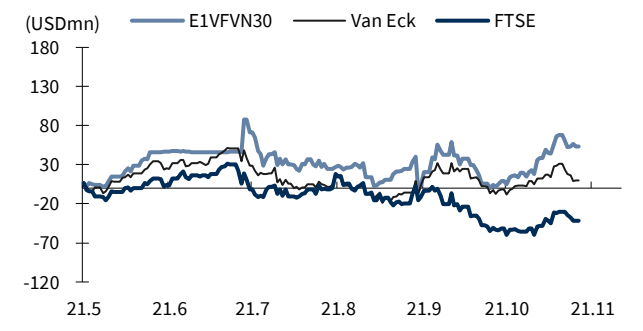
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

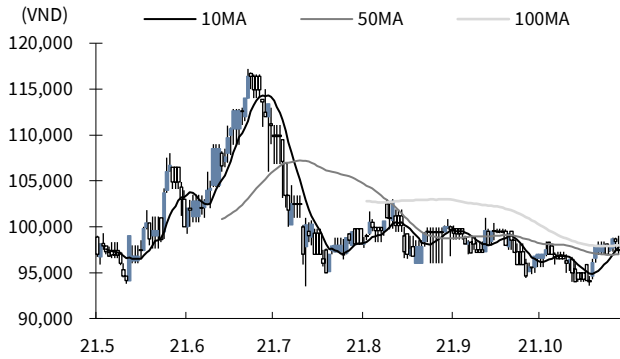
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vietcombank (VCB)

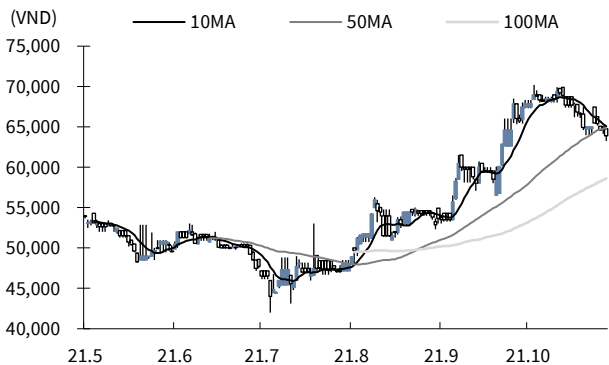


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB giảm 0.9% xuống 97,500 VND/cp

- Vietcombank phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021 với giá trị tối đa 4,000 tỷ đồng. Trái phiếu có kỳ hạn tối thiểu 7 năm và tối đa 10 năm với lãi suất cố định hoặc thả nổi và thời điểm phát hành dự kiến trong quý IV.
- Vietcombank thông báo đã mua lại 4,000 tỷ đồng trái phiếu phát hành từ năm 2016, với thời gian thực hiện quyền mua lại trái phiếu là tháng 10, 11 và 12/2021.

Công ty Giống bò sữa Mộc Châu (MCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MCM giảm 0.9% xuống 63,900 VND/cp

- Công ty Giống bò sữa Mộc Châu thông báo 30/11 là ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền với tỷ lệ 10%. Với 110 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 110 tỷ đồng và thời gian thanh toán dự kiến 22/12.

05/11/2021

 Chuyên viên phân tích
 Trần Thị Phương Anh
 anhttp@kbsec.com.vn

DBC ghi nhận lợi nhuận Q3/2021 đạt 138.0 tỷ đồng (-64% YoY) và doanh thu đạt 2,681.9 tỷ đồng (+5% YoY)

DBC công bố KQKD Q3/2021 với lợi nhuận đạt 138.0 tỷ đồng (-64% YoY) và doanh thu thuần đạt 2,681.9 tỷ đồng (+5% YoY). Lợi nhuận sụt giảm do giá lợn xuống thấp trong khi giá nguyên liệu tăng cao.

Giá thịt lợn hơi và thịt gà đã hồi phục mạnh mẽ từ cuối tháng 10 và kỳ vọng rằng, giá heo hơi Việt Nam sẽ khả quan hơn từ cuối Q4/2021

Giá thịt lợn hơi và thịt gà đã hồi phục mạnh mẽ sau khi bị giảm mạnh bởi ảnh hưởng của dịch bệnh trong khi nguồn cung dồi dào. Trên kịch bản dịch bệnh covid-19 và dịch ASF được kiểm soát, chúng tôi kỳ vọng giá heo hơi duy trì trong khoảng 45,000-55,000 VND/kg trong ngắn hạn và tiếp tục tăng lên khoảng 65,000-75,000 VND/kg trong dịp Tết Nguyên đán và Q1/2022.

Thuế suất thuế nhập khẩu MFN của mặt hàng lúa mì dự kiến giảm từ 3% xuống 0% và ngô từ 5% xuống 2%

Bộ Tài chính đã trình Chính phủ xem xét giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN của mặt hàng mặt hàng lúa mì từ 3% xuống 0% và mặt hàng ngô từ 5% xuống 2% (giảm so với mức đề xuất 3% trước đó), dự kiến được thông qua từ Q4/2021.

Dự kiến đến tháng 12/2021 Dabaco có thể công bố kết quả dự án nghiên cứu sản xuất vaccine dịch tả lợn Châu Phi

Phòng thí nghiệm của DBC thành công nuôi cấy, phát triển dòng tế bào gây nhiễm virus vaccine nhược độc Dịch tả heo Châu Phi, tạo tiền đề tiến hành nhân lên ở quy mô công nghiệp để tiến tới sản xuất vaccine ASF đại trà. Lãnh đạo cho biết, dự kiến đến tháng 12/2021 Dabaco có thể công bố kết quả dự án trên.

Tăng giá mục tiêu lên 77,100 VND/cp

Chúng tôi dự phóng lợi nhuận năm 2021 đạt 987.1 tỷ đồng (-29.5% YoY) và doanh thu thuần 10,545 tỷ đồng (+4.2% YoY) và tăng giá mục tiêu lên 77,100 VND/cp.

MUA duy trì

Giá mục tiêu VND 77,100

| | |
|-----------------------------|--------|
| Tăng/giảm (%) | 29.1 |
| Giá hiện tại (10/20/2020) | 59,700 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ) | 6,880 |

Dữ liệu giao dịch

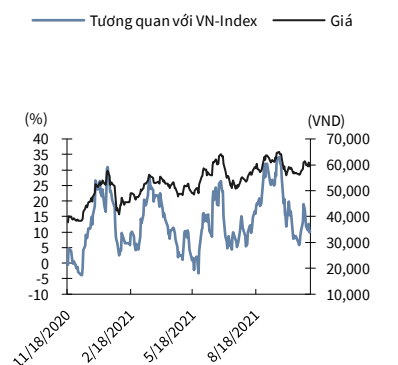
| | |
|----------------------------------|-------------------------|
| Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%) | 54.1% |
| GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ) | 140.1/6.2 |
| Sở hữu nước ngoài (%) | 2.52 |
| Cổ đông lớn nhất | Nguyễn Như So 28.29% |

Biến động giá cổ phiếu

| (%) | 1M | 3M | 6M | 12M |
|-----------|----|----|----|-----|
| Tuyệt đối | 2 | 2 | 22 | 55 |
| Tương đối | -4 | -4 | 7 | 1 |

Dự phóng KQKD & định giá

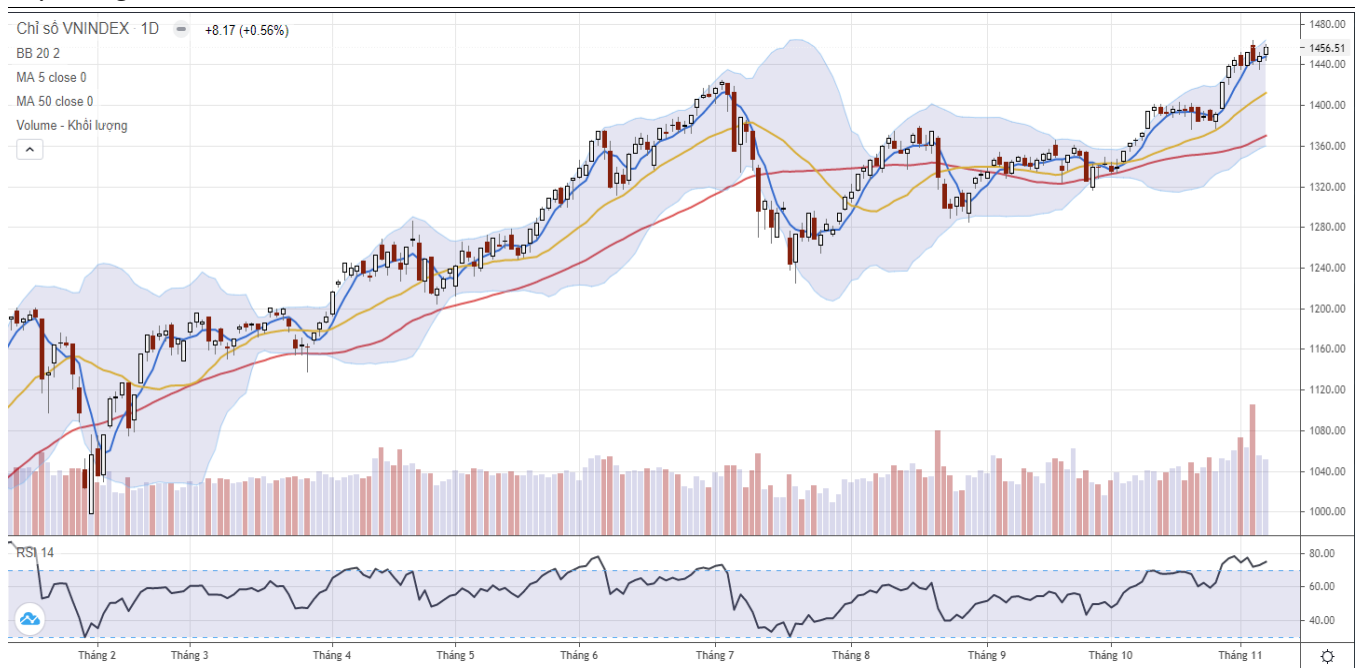
| FY-end | 2018A | 2019A | 2020A | 2021F |
|--------------------------------------|-------|-------|--------|--------|
| Doanh số thuần (tỷ VNĐ) | 6,674 | 7,187 | 10,022 | 10,545 |
| Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ) | 387 | 339 | 1,549 | 1,101 |
| Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VNĐ) | 360 | 305 | 1,400 | 987 |
| EPS (VNĐ) | 4,350 | 3,349 | 13,366 | 8,566 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 80 | -23 | 299 | -36 |
| P/E (x) | 13.73 | 17.82 | 4.47 | 6.97 |
| P/B (x) | 1.80 | 1.80 | 1.49 | 1.32 |
| ROE (%) | 13 | 10 | 33 | 19 |
| Tỷ suất cổ tức (%) | 0 | 2 | 7 | 3.4 |



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

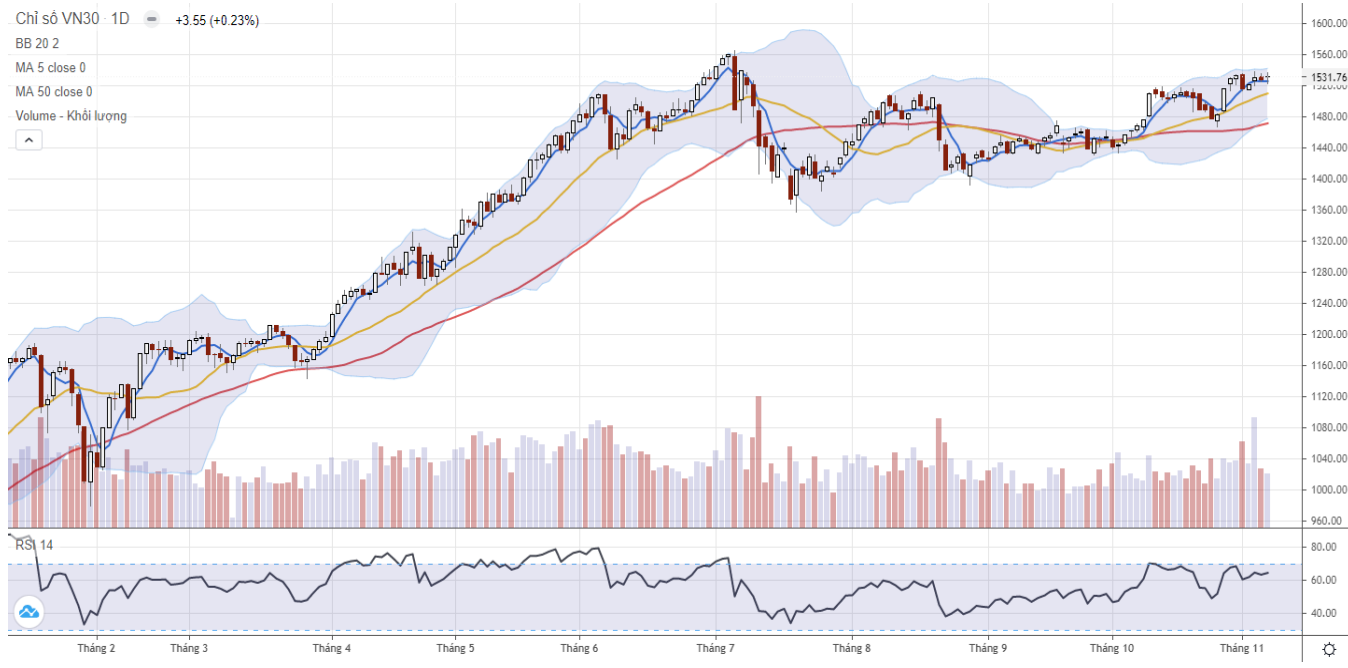
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



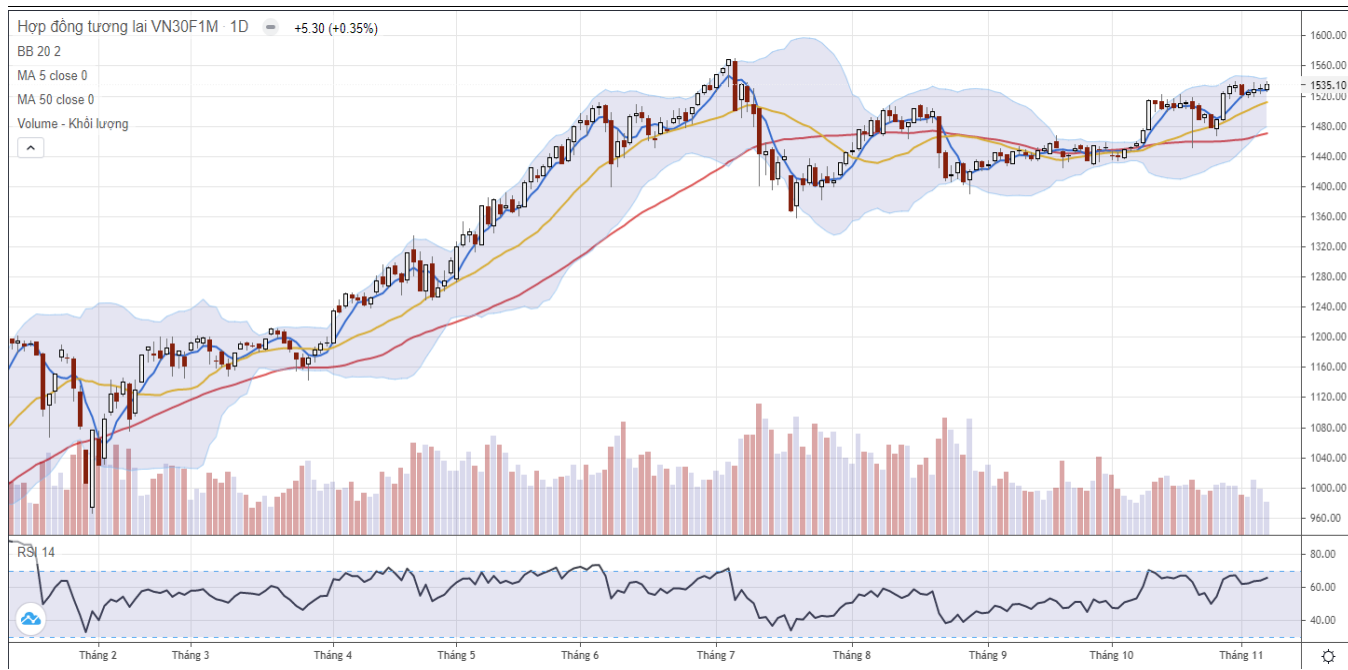
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex sớm lấy lại đà tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Với việc lấy lại xung lực tăng điểm, chỉ số đang có cơ hội thử thách lại vùng đỉnh lịch sử quanh 1464. Mặc dù rủi ro trải qua áp lực rung lắc khi chớm vượt vùng đỉnh cũ sẽ đứng ở mức cao tuy nhiên nhịp điều chỉnh nhiều khả năng vẫn chỉ mang tính ngắn hạn và nằm trong xu hướng tăng chủ đạo.
- NĐT có thể tiếp tục nắm giữ 1 phần vị thế bám theo xu hướng chính ở mức cân bằng và linh hoạt trading quay vòng phần còn lại, mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự để tăng hiệu quả cho danh mục tổng.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1550 – 1553

Kháng cự gần: 1541 - 1545

Hỗ trợ gần: 1524 - 1527

Hỗ trợ xa: 1518 - 1520

- F1 diễn biến rung lắc đầu phiên trước khi sớm lấy lại đà tăng điểm với biên độ có phần mở rộng về cuối phiên.
- Với việc lấy lại xung lực tăng điểm, chỉ số sẽ một lần nữa thử thách lại vùng cản gần 154x. Mặc dù rủi ro trải qua áp lực rung lắc sẽ đứng ở mức cao tuy nhiên nhịp điều chỉnh nhiều khả năng vẫn chỉ mang tính ngắn hạn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Stop vị thế Long đã mở nếu F1 phá vỡ vùng hỗ trợ gần nhưng kê mở lại khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

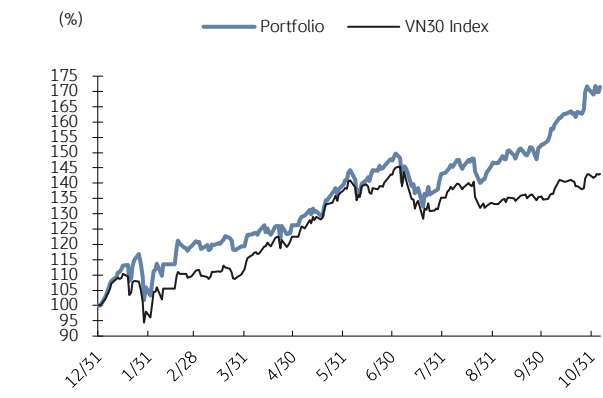
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 0.23% | 1.04% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 43.05% | 71.55% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 05/11/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 132,000 | 1.6% | 70.8% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 58,700 | -2.3% | 140.0% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 108,000 | 3.8% | 40.9% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 28,650 | -0.9% | 127.6% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 71,100 | 0.4% | 109.1% | - Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 97,600 | 1.7% | 235.3% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 32,700 | 0.3% | 73.0% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 122,400 | 4.5% | 66.8% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 56,600 | 0.5% | 291.0% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbaco City Development (KBC) | 09/03/2020 | 49,000 | 0.7% | 257.7% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 0.5% | 24.9% | 121.5 |
| GAS | 4.5% | 2.6% | 40.1 |
| CTG | 0.3% | 24.6% | 37.0 |
| DXG | 3.9% | 29.8% | 34.5 |
| VCI | -0.3% | 20.0% | 30.0 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VIC | 0.0% | 13.7% | -60.9 |
| VHM | -0.9% | 22.9% | -150.7 |
| SSI | -0.2% | 42.6% | -34.4 |
| TPB | -0.6% | 30.0% | -20.3 |
| DGC | 4.4% | 6.8% | -24.0 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| THD | 0.1% | 1.6% | 3.4 |
| CEO | 0.8% | 17.1% | 2.7 |
| HUT | 0.0% | 2.3% | 1.2 |
| SHS | -0.2% | 7.9% | 1.1 |
| TNG | 6.0% | 2.2% | 0.6 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PDB | 9.8% | 4.6% | -1.2 |
| HLD | -0.8% | 7.5% | -0.9 |
| VTV | 9.0% | 0.6% | -0.8 |
| VNR | 5.8% | 27.1% | -0.7 |
| IDJ | 3.0% | 1.2% | -0.7 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | 8.4% | VND, VCI |
| Xây dựng và Vật Liệu | 3.0% | HBC, VGC |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 2.6% | PNJ, GIL |
| Hóa chất | 2.4% | DGC, GVR |
| Ngân hàng | 2.2% | BID, CTG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Bất động sản | -1.7% | VHM, NVL |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -1.2% | GAS, VSH |
| Tài nguyên Cơ bản | -1.1% | HPG, NKG |
| Bảo hiểm | -1.1% | BVH, BIC |
| Du lịch và Giải trí | -0.7% | VJC, HVN |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | 14.3% | VND, VCI |
| Xây dựng và Vật Liệu | 14.2% | VGC, DPG |
| Hóa chất | 11.6% | GVR, DPM |
| Ô tô và phụ tùng | 9.0% | TCH, HHS |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 7.5% | PNJ, TCM |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Du lịch và Giải trí | -1.3% | HVN, HOT |
| Tài nguyên Cơ bản | 1.7% | HSG, PTB |
| Y tế | 2.0% | PME, TRA |
| Công nghệ thông tin | 2.4% | FPT, ELC |
| Thực phẩm và đồ uống | 2.9% | MSN, VNM |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn) | GTGD (VNĐ tỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1đ) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|------------------------------------|----------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 203,444 (8.9) | 22.5 | 65.9 | 47.7 | 14.7 | 4.3 | 5.7 | 3.9 | 3.7 | 0.0 | -0.8 | 7.2 | -1.2 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 535,084 (23.5) | 26.6 | 10.5 | 10.0 | 35.9 | 33.1 | 27.0 | 3.1 | 2.4 | -0.8 | -4.1 | 3.3 | 19.1 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 206,578 (9.1) | 17.8 | 37.0 | 20.3 | -7.6 | 6.6 | 10.5 | 2.4 | 2.3 | -1.1 | 0.0 | 9.7 | -0.6 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 60,068 | 86,712 (3,768) | 330,973 (14.5) | 31.3 | 36.3 | 21.2 | 6.7 | 18.0 | 16.3 | 4.3 | 3.6 | 1.0 | -3.9 | 0.6 | 118.3 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 167,944 (7.4) | 11.6 | 28.7 | 20.8 | 18.0 | 12.3 | 14.7 | 3.3 | 2.8 | 1.6 | -5.5 | 16.0 | 81.0 |
| DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 202,884 (8.9) | 13.9 | 14.9 | 10.2 | - | 14.5 | 18.5 | 2.0 | 1.7 | 3.9 | 0.2 | 27.4 | 74.5 | |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 102,000 | 378,305 (16,441) | 104,207 (4.6) | 6.3 | 18.4 | 14.4 | 11.7 | 19.7 | 20.1 | 3.1 | 2.5 | -0.9 | -0.5 | 2.0 | -0.4 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 43,400 | 174,556 (7,586) | 74,127 (3.3) | 12.7 | 18.9 | 13.4 | -5.3 | 13.2 | 16.8 | 2.0 | 1.9 | -0.9 | 5.1 | 10.9 | -9.0 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 882,593 (38.8) | 0.0 | 10.9 | 9.2 | 14.3 | 20.8 | 20.1 | 2.0 | 1.7 | -0.6 | 2.7 | 7.9 | 68.3 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 329,790 (14.5) | 1.4 | 10.1 | 8.2 | 61.1 | 18.5 | 20.3 | 1.5 | 1.3 | 0.3 | 3.8 | 10.8 | 22.2 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 353,011 (15.5) | 0.0 | 13.2 | 11.3 | 18.8 | 18.5 | 16.6 | 2.2 | 1.8 | -0.1 | -0.3 | 9.1 | 110.2 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 305,031 (13.4) | 0.0 | 9.0 | 7.5 | 14.6 | 22.0 | 22.3 | 1.7 | 1.4 | -0.9 | 0.5 | 4.6 | 69.7 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 82,852 (3.6) | 4.2 | 9.6 | 8.4 | 23.3 | 21.9 | 21.0 | 1.8 | 1.5 | -1.3 | 5.7 | 9.0 | 40.5 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 349,320 (15.4) | 14.0 | 15.4 | 10.8 | 26.5 | 10.6 | 12.3 | 1.5 | 1.3 | 0.7 | 3.9 | 7.4 | 63.6 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 27,850 | 28,732 (1,249) | 168,114 (7.4) | 0.0 | 10.3 | 8.6 | 37.5 | 22.6 | 20.3 | 2.0 | 1.6 | -0.6 | -3.0 | 2.4 | 62.3 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 9,192 (0.4) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -1.0 | 12.4 | 12.9 | 31.4 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 103,341 (4.5) | 21.0 | 27.2 | 26.0 | 15.8 | 8.6 | 8.6 | 2.2 | 2.1 | 0.8 | -1.1 | 6.8 | -3.0 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 45,466 (2.0) | 14.2 | 18.7 | 19.4 | 9.1 | 12.0 | 12.0 | 2.1 | 1.9 | 0.9 | -1.4 | 9.3 | 77.1 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 497,799 (21.9) | 55.4 | 16.5 | 14.7 | -3.2 | 17.3 | 17.7 | - | - | -0.2 | 5.9 | 6.2 | 96.2 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 332,811 (14.6) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | -0.3 | 11.9 | 20.5 | 146.4 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 165,899 (7.3) | 52.4 | - | - | -25.5 | - | - | - | - | 0.6 | 10.2 | 10.0 | 75.8 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 17,211 | 5,734 (249) | 393,848 (17.3) | 27.2 | 14.1 | 23.9 | 36.3 | - | - | 4.7 | 4.3 | 0.8 | 13.0 | 27.3 | 243.0 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 308,286 (13.6) | 42.1 | 18.7 | 17.4 | 4.0 | 32.8 | 34.1 | 5.7 | 5.5 | 0.9 | -1.7 | -0.4 | -18.0 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 23,388 (1.0) | 36.9 | 25.8 | 21.4 | 7.3 | 21.2 | 23.0 | 5.0 | 4.4 | 0.1 | 7.2 | 7.2 | -11.8 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 152,916 (6.7) | 16.5 | 50.3 | 28.8 | -51.9 | 18.1 | 22.9 | 8.9 | 6.8 | -0.1 | -2.1 | 4.7 | 66.3 |
| HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 44,756 (2.0) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 4.9 | 5.1 | 9.3 | -45.8 | |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 114,086 (5.0) | 11.0 | - | 36.4 | -88.5 | 0.4 | 16.2 | - | - | 0.3 | -1.5 | -0.6 | 4.0 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 193,469 (8.5) | 10.8 | 29.7 | 20.7 | -57.0 | 9.3 | 12.6 | 2.5 | 2.3 | 0.2 | -2.5 | 5.7 | 56.4 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 118,653 (5.2) | 38.4 | 44.0 | 13.9 | 65.7 | 3.1 | 8.4 | 1.4 | 1.3 | 3.1 | 5.1 | 28.3 | 10.3 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 70,235 (3.1) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | 5.1 | 9.5 | 15.0 | 142.3 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 17,224 | 10,411 (452) | 244,631 (10.8) | 37.7 | - | - | -13.2 | 12.1 | 12.7 | - | - | 4.2 | 15.2 | 38.2 | 79.5 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 22,161 (1.0) | 3.6 | 36.9 | 17.9 | -52.4 | 1.8 | 3.7 | 0.6 | 0.6 | 1.3 | 0.8 | 1.4 | -6.7 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 44,782 (2.0) | 0.0 | 13.4 | 11.2 | -4.5 | 13.2 | 14.1 | 1.6 | 1.6 | 0.4 | -4.9 | 1.9 | 45.3 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 231,862 (10.2) | 46.1 | 25.2 | 20.5 | -17.5 | 18.7 | 21.4 | 4.6 | 4.2 | 4.5 | -1.7 | 12.3 | 41.3 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 26,510 (1.2) | 31.4 | 13.5 | 11.0 | -10.5 | 11.2 | 11.9 | 1.5 | 1.5 | 2.7 | -1.5 | 6.0 | -6.1 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 6,363 (0.3) | 34.1 | 19.8 | 11.8 | -5.1 | 7.3 | 12.6 | 1.5 | 1.5 | 0.0 | -1.3 | -2.1 | -5.9 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 1,452,209 (63.8) | 18.0 | 8.0 | 8.1 | 21.9 | 41.4 | 29.4 | 2.7 | 2.1 | 0.5 | -0.9 | 2.4 | 84.3 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (286) | 338,620 (14.9) | 36.5 | 16.9 | 21.9 | -0.5 | 15.7 | 10.6 | 2.2 | 2.2 | 6.9 | 2.7 | 32.4 | 167.6 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 238,544 (10.5) | 46.5 | 23.4 | 22.1 | -4.5 | 13.3 | 13.6 | 2.8 | 2.6 | 6.8 | 5.4 | 21.9 | 150.7 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 484,246 (21.3) | 38.9 | 6.9 | 7.1 | 67.9 | 26.8 | 21.5 | 1.6 | 1.4 | 1.4 | -2.0 | -2.9 | 130.7 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 114,372 (5.0) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | 2.4 | -1.2 | 6.3 | 29.9 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 97,079 (4.3) | 4.6 | 18.8 | 16.6 | -51.0 | 16.3 | 17.3 | 2.9 | 2.8 | 2.3 | -0.4 | 0.0 | -1.3 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 245,951 (10.8) | 39.9 | 866.4 | 27.7 | -11.9 | 0.0 | 3.4 | 0.9 | 0.9 | 5.2 | 5.2 | 22.9 | 82.1 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 128,300 (5.6) | 35.9 | 11.7 | 10.2 | 1.2 | 14.6 | 14.9 | 1.6 | 1.4 | 0.6 | -0.2 | 4.2 | 77.9 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 179,564 (7.9) | 0.0 | 19.6 | 15.1 | 13.7 | 24.5 | 27.4 | 4.3 | 3.8 | 1.6 | 0.5 | 4.1 | 66.5 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 66,100 (2.9) | 0.0 | 24.3 | 19.0 | 2.4 | 18.8 | 22.2 | 4.4 | 3.8 | 3.8 | 3.8 | 11.3 | 33.3 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 4,442 (0.2) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 2.8 | 3.1 | 9.2 | -63.9 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 82,387 (3.6) | 30.3 | 45.8 | 28.5 | -75.2 | 8.0 | 12.1 | 3.5 | 3.3 | 2.0 | 6.5 | 18.2 | 73.4 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 66,309 (2.9) | 34.6 | 22.2 | 10.9 | 41.2 | 13.6 | 27.3 | 2.8 | 2.7 | 3.0 | 12.0 | 29.6 | 8.4 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 2,490 (0.1) | 45.4 | 17.9 | 16.9 | 10.7 | 19.9 | 20.3 | 3.5 | 3.1 | -0.1 | -2.5 | 1.2 | -2.7 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | 187 (0.0) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | 0.0 | 3.9 | -0.5 | 7.3 |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 231,225 (10.2) | 0.0 | 21.7 | 18.0 | 15.5 | 24.0 | 25.1 | 4.6 | 4.1 | 1.7 | 0.7 | 3.4 | 89.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.